

Bản án số: 137/2017/DS-PT
Ngày 17 tháng 7 năm 2017
V/v “*kiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

**NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Ông Trần Xuân Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2016/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2016 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2016/DSST ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2017/QĐPT ngày 10 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1959

Hộ khẩu thường trú: xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú tại: Số 24-25 khu tạm cư Quới Sơn, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

Luật sư Nguyễn Thị Q1 - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Quang V– Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Trần Thị T, sinh năm: 1962

2/ Nguyễn Thanh Q2, sinh năm: 1982

3/ Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm: 1992

Cùng hộ khẩu thường trú: xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú tại: khu tạm cư Q2, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Bà T, anh Q2, chị G cùng ủy quyền cho ông B tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn B trình bày:

Gia đình ông có phần diện tích đất bị thu hồi để thực hiện chủ trương thành lập khu dân cư, khu công nghiệp G1. Sau nhiều lần tiếp xúc đối thoại giữa ông với Ủy ban nhân dân huyện C để tìm giải pháp cho việc bố trí nền tái định cư cho hộ gia đình ông nhưng không thành, vì muốn sự việc kết thúc cho xong nên ông chấp nhận phương án của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đưa ra lần cuối tại biên bản tiếp xúc, đối thoại vào ngày 02/8/2013 là thống nhất giao cho gia đình ông tổng cộng 13 nền tái định cư gồm 04 nền mặt tiền đường tỉnh 883 và 09 nền ở phía trong đường nội bộ.

Mặc dù đã thỏa thuận bàn giao mặt bằng cho hộ gia đình ông nhưng Ủy ban nhân dân huyện C kéo dài đến ngày 09/02/2015 thì Ủy ban nhân dân huyện C ban hành công văn 625 thông báo cho hộ gia đình ông đến Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện để hoàn tất thủ tục đăng ký, bố trí nền tái định cư. Nội dung công văn này chỉ bố trí cho hộ gia đình ông còn có 03 nền mặt tiền đường tỉnh 883 thay vào 01 nền CL2 nội bộ số 89 nên ông không chấp nhận được.

Ngày 15/11/2015, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện mời ông đến tại thực địa các thửa đất để xác định mốc giới và bàn giao đất trên thực địa. Qua xem xét các nền nhà ông được bàn giao thì không có nền nào nằm ở mặt tiền đường tỉnh 883 mà là nằm trong đường nội bộ nên ông chưa đồng ý nhận nền. Ngày 23/3/2016, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành công văn số 876, trong đó khẳng định Ủy ban nhân dân huyện C thống nhất bố trí cho ông 13 nền tái định cư trong đó có 04 nền mặt tiền đường tỉnh 883 nhưng không xác định cho ông được biết nền nhà số mấy tương ứng với thửa đất nào ghi trong quyết định về việc giao đất tái định cư.

Ông yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C phải giao đủ 04 nền mặt tiền đường tỉnh 883, còn các nền ở phía trong đường nội bộ thì ông không có ý kiến. Ông không xác định được quyết định nào liên quan đến nền mặt tiền đường tỉnh 883 nên ông khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 5285/QĐ-UBND, số 5286/QĐ-UBND, số 5287/QĐ-UBND, số 5288/QĐ-UBND, số 5289/QĐ-UBND, số 5290/QĐ-UBND, số 5291/QĐ-UBND, số 5292/QĐ-UBND, số 5293/QĐ-UBND, số 5294/QĐ-UBND, số 5295/QĐ-UBND, số 5296/QĐ-UBND, số 5274/QĐ-UBND ngày 05/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre. Buộc Ủy ban nhân dân huyện C giao đất tái định cư cho hộ gia đình ông tổng cộng 13 nền, trong đó có 04 nền mặt tiền đường tỉnh 883.

Bà Nguyễn Thị Quỳnh N - đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre trình bày:

Thực hiện phương án bố trí tái định cư, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp G1, huyện C, Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 26/3/2013 về việc thực hiện bốc thăm tái định cư cho hộ dân thuộc các dự án Khu công nghiệp G1giai đoạn 1,2; Khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ khu công nghiệp G1và nâng cấp đường tỉnh 883. Theo phương án bố trí nên tái định cư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre phê duyệt thì hộ ông Nguyễn Văn B được bố trí 07 nền tái định cư.

Qua tiếp xúc, đối thoại, hộ ông B yêu cầu được bố trí thêm nền tái định cư do diện tích đất bị thu hồi lớn. Sau khi nghe ý kiến của hộ ông B, Ủy ban nhân dân huyện C thống nhất bố trí thêm cho ông Bình 06 nền tái định cư. Sau khi tiếp xúc đối thoại ngày 02/8/2013 cùng ông Bình, Ủy ban nhân dân huyện C đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre xin chủ trương bố trí thêm nền tái định cư. Qua xem xét, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã ban hành Công văn số 4159/UBND- TCĐT ngày 03 tháng 9 năm 2013 về việc phê duyệt điều chỉnh chính sách tái định cư công trình Khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ khu công nghiệp G1.

Như vậy, tổng số nền tái định cư ông B được bố trí là 13 nền. Trong đó có 04 nền mặt tiền đường tỉnh 883 và 09 nền vị trí phía trong đường nội bộ.

Ủy ban nhân dân huyện C đã phối hợp các cơ quan có liên quan để tiến hành công bố và trao quyết định, giải thích thêm về quyền lợi, nghĩa vụ cho hộ dân. Tuy nhiên, hộ ông B không nhận các quyết định giao nền tái định cư và cũng không nhận đất trên thực địa. Phòng Tài nguyên và Môi trường cùng Ủy ban nhân dân xã Q tiến hành lập biên bản niêm yết công khai quyết định giao nền tái định cư cho hộ ông B.

Đến ngày 29/3/2016, ông B có đơn xin nhận các quyết định giao đất tái định cư. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C giao bản sao y bản chính tất cả các quyết định trên cho hộ ông.

Việc bố trí nền tái định cư cho hộ B đúng theo tinh thần biên bản ngày 02/8/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C và đúng qui định pháp luật. Theo bản đồ quy hoạch thì trong khu tái định cư không có hộ dân nào được giao nền tiếp giáp trực tiếp với đường 883 và tại thời điểm này các hộ dân đều đồng ý chỉ trừ hộ của ông B. Các quyết định hành chính do Ủy ban nhân dân huyện C ban hành là đúng, đề nghị giữ y các quyết định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2016/HS-ST ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre quyết định:

Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 5285/QĐ-UBND, số 5286/QĐ-UBND, số 5287/QĐ-UBND, số 5288/QĐ-UBND, số 5289/QĐ-UBND, số 5290/QĐ-UBND, số 5291/QĐ-UBND, số 5292/QĐ-UBND, số 5293/QĐ-UBND, số 5294/QĐ-

UBND, số 5295/QĐ-UBND, số 5296/QĐ-UBND, số 5274/QĐ-UBND ngày 05/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre về việc giao đất tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 16/9/2016 nguyên đơn ông Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử:

Tuyên sửa bản án số 09/2016/HC-ST ngày 13/9/2016

Tuyên hủy 13 Quyết định hành chính về việc giao nền tái định cư do Ủy ban nhân dân huyện C tỉnh Bến Tre ban hành cho ông Nguyễn Văn B vào ngày 05/11/2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có ý kiến như sau:

Ông Nguyễn Văn B và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông B - luật sư Nguyễn Thị Q1 thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm của tòa án tỉnh Bến tre do bị vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau:

Gia đình ông B là hộ nghèo nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn cho ông Bình về trợ giúp pháp lý trong khi gia đình ông thuộc gia đình liệt sỹ.

Trong biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp cung cấp chứng cứ tòa án không đưa ra bản đồ phân lô quy hoạch phân lô tái bố trí định cư, nhưng lại sử dụng chứng cứ này để bác đơn khởi kiện của ông B.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ chỉ xem xét 04 nền ông B được giao giáp tỉnh lộ 883 mà không xem xét các nền đất khác của ông B là không xem xét đầy đủ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu như sau:

Về chủ trương thu hồi và chính sách đền bù hỗ trợ ông B đồng ý, ông B được hỗ trợ và tái định cư 13 nền trong đó có 04 nền tiếp giáp trực tiếp với đường tỉnh lộ 883. Tuy nhiên, khi nhận nền, có 04 nền ông B được nhận không đúng với biên bản thỏa thuận vì ông cho rằng không tiếp giáp trực tiếp với đường tỉnh lộ 833 theo bản đồ quy hoạch thì các nền ông B được nhận đều đúng thỏa thuận. Do người khởi kiện và người bảo vệ quyền lợi của ông B yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nhưng không có chứng cứ vi phạm gì, nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn B trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt phương án bố trí tái định cư, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp G1 và phê duyệt điều chỉnh chính sách tái định cư công trình Khu nhà ở công

nhân và tái định cư phục vụ Khu công nghiệp G1. Sau nhiều lần tiếp xúc, đối thoại giữa ông B và Ủy ban nhân dân huyện C đã thống nhất giao cho ông B tổng cộng 13 nền tái định cư gồm 04 nền mặt tiền đường tỉnh lộ 883 và 09 nền trong đường nội bộ.

Ngày 05 tháng 11 năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre ban hành 13 Quyết định giao các nền tái định cư cho hộ ông Nguyễn Văn B gồm: Quyết định số 5296/QĐ-UBND được giao phần đất thuộc thửa 788; Quyết định số 5295/QĐ-UBND giao phần đất thuộc thửa 790; Quyết định số 5294/QĐ-UBND giao phần đất thuộc thửa 452; Quyết định số 5293/QĐ-UBND giao phần đất thuộc thửa 638; Quyết định số 5292/QĐ-UBND giao phần đất thuộc thửa 639; Quyết định số 5291/QĐ-UBND giao phần đất thuộc thửa 643; Quyết định số 5290/QĐ-UBND giao phần đất thuộc thửa 644; Quyết định số 5289/QĐ-UBND giao phần đất thuộc thửa 645; Quyết định số 5288/QĐ-UBND giao phần đất thuộc thửa 844; Quyết định số 5287/QĐ-UBND giao phần đất thuộc thửa 662; Quyết định số 5286/QĐ-UBND giao phần đất thuộc thửa 663; Quyết định số 5285/QĐ-UBND giao phần đất thuộc thửa 664; Quyết định số 5274/QĐ-UBND giao phần đất thuộc thửa 765. Tất cả các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ Biên bản về việc tiếp xúc, đối thoại với hộ ông Nguyễn Văn B vào ngày 02/8/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C kết luận thống nhất giao cho gia đình ông B tổng cộng 13 nền tái định cư gồm: Nền số 5, 33, 35 và 01 ở góc giáp nền số 40, lô CL2, mặt tiền đường tỉnh 883; Nền ở 03 nền góc giáp thửa số 41, lô CL8; Nền số 70, 71, 75, 76, 77 lô CL8; Nền số 76 lô CL7 và ông B cũng đã đồng ý theo ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Tuy nhiên, các nền nhà ông được bàn giao thì không có nền nào nằm ở mặt tiền đường tỉnh lộ 883 mà là nằm trong đường nội bộ nên ông không đồng ý nhận nền. Ông yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C phải giao đủ 04 nền mặt tiền đường tỉnh lộ 883, còn các nền ở phía trong đường nội bộ thì ông không có ý kiến.

Do ông B không xác định được nền nhà số mấy tương ứng với thửa đất nào ghi trong quyết định về việc giao đất tái định cư nên ông yêu cầu hủy các quyết định nêu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/8/2016 của Tòa án nhân dân Tỉnh Bến tre thì ông Nguyễn Văn B được cấp 04 nền mặt tiền đường tỉnh lộ 883 mà trong biên bản thỏa thuận ngày 02/8/2013 giữa Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C kết luận thống nhất giao cho hộ ông B gồm các nền có vị trí như sau:

- Nền số 05 của CL2 (thuộc thửa 765, tờ bản đồ số 24)
- Nền số 33 của CL2 (thuộc thửa 788, tờ bản đồ số 24)
- Nền số 35 của CL2 (thuộc thửa 790, tờ bản đồ số 24)
- Nền số 40 của CL2 là nền 89 (thuộc thửa 844, tờ bản đồ số 24)

Như vậy, 04 nền trên có vị trí giáp với vỉa hè đến đường nội bộ đến vỉa hè và đến đất cây xanh của đường nội bộ và của đường tỉnh lộ 883, không có phần

đất nào giáp trực tiếp với đường tỉnh lộ 883. Theo bản đồ quy hoạch phân lô tái bố trí và tái định cư vào khu dân cư G1 thì không có lô đất nào giáp trực tiếp với đường tỉnh lộ 883, nên Ủy ban nhân dân huyện C không thể bố trí cho các hộ dân trong đó có hộ của ông Nguyễn Văn B 04 nền đất giáp trực tiếp với đường liên tỉnh 883. Đối với 09 nền tái định cư trong đường bộ, hộ ông Bình không có ý kiến. Việc ra quyết định thu hồi và trình tự thủ tục ra Quyết định bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn B của Ủy ban nhân dân huyện C đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bình và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn B cho rằng tòa sơ thẩm không xem xét hộ ông B là hộ có thân nhân liệt sỹ thuộc diện được trợ giúp pháp lý nên ảnh hưởng đến quyền lợi của ông; Khi xem xét thẩm định tại chỗ không xem xét hết 13 nền mà chỉ xem xét 04 nền giáp với mặt tiền đường tỉnh lộ 883; Trong biên bản kiểm tra chứng cứ tại tòa không công bố bản đồ quy hoạch phân lô khu tái định cư mà khi xét xử lại căn cứ vào chứng cứ này để làm căn cứ bác yêu cầu của ông B.

Xét thấy, việc luật sư đưa ra một số sai sót của cấp sơ thẩm là có, tuy nhiên việc thiếu sót này không nghiêm trọng, không ảnh hưởng đến quyền lợi và việc giải quyết vụ án. Cấp sơ thẩm chỉ xem xét 04 nền do ông B chỉ khiếu nại 04 nền giáp mặt tiền tỉnh lộ, các nền khác ông không có ý kiến nên chỉ xem xét 04 nền là đủ. Do vậy, không có căn cứ để hủy án sơ thẩm như đề nghị của ông B và luật sư. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm của tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng khoản 1 Điều 205 của Luật Tố tụng hành chính 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2016/HC-ST ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về việc khiếu kiện quyết định hành về quản lý đất đai.

Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 5285/QĐ-UBND, số 5286/QĐ-UBND, số 5287/QĐ-UBND, số 5288/QĐ-UBND, số 5289/QĐ-UBND, số 5290/QĐ-UBND, số 5291/QĐ-UBND, số 5292/QĐ-UBND, số 5293/QĐ-UBND, số 5294/QĐ-UBND, số 5295/QĐ-UBND, số 5296/QĐ-UBND, số 5274/QĐ-UBND ngày 05/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre về việc giao đất tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân.

Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009989 ngày 25/7/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Bến tre;
- VKSND tỉnh Bến tre;
- Cục THADS tỉnh Bến tre;
- NKK (1);
- NBK (1);
- Lưu (3) 13b (Án HTKN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy